HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 95/2013/NQ-HĐND	*Tuy Hòa, ngày 12 tháng 12 năm 2013*

NGHỊ QUYẾT

Về việc sửa đổi Nghị quyết số 39/2011/NQ-HĐND, ngày 16/12/2011 của HĐND tỉnh về Quy định mức thu, chế độ quản lý, sử dụng lệ phí trước bạ đối với xe ô tô chở người dưới 10 chỗ ngồi, phí thẩm định cấp phép vật liệu nổ công nghiệp; mức thu lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm và phí trông giữ xe đạp, xe máy, mô tô, ô tô, phí vệ sinh và phí chợ trên địa bàn tỉnh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN
KHÓA VI, KỲ HỌP THỨ 9

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP, ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí, lệ phí; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP, ngày 06/3/2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 57/2002/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC, ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí; Thông tư số 45/2006/TT-BTC, ngày 25/5/2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC;

Căn cứ Thông tư số 97/2006/TT-BTC, ngày 16/10/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Sau khi xem xét Tờ trình số 55/TTr-UBND ngày 19/11/2013 của UBND tỉnh về việc sửa đổi mức thu phí vệ sinh trên địa bàn thành phố Tuy Hòa ban hành kèm theo Nghị quyết số 39/2011/NQ-HĐND, ngày 16/12/2011 của HĐND tỉnh; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách HĐND tỉnh; ý kiến của các đại biểu HĐND tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi điểm 3, mục V tại "Quy định mức thu, chế độ quản lý, sử dụng lệ phí trước bạ đối với xe ô tô chở người dưới 10 chỗ ngồi, phí thẩm định cấp phép vật liệu nổ công nghiệp; mức thu lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm và phí trông giữ xe đạp, xe máy, mô tô, ô tô, phí vệ sinh, phí chợ trên địa bàn tỉnh" kèm theo Nghị quyết số 39/2011/NQ-HĐND, như sau:

3. Mức thu phí:

STT	Phí vệ sinh	Đơn vị tính	Mức thu
1	**Khu vực thành phố Tuy Hòa**		
1.1	**Đối với hộ gia đình**		
a	Từ phường 1 đến phường 8		
	+ Hộ mặt phố	Đồng/hộ/tháng	15.000
	+ Hộ trong hẻm	Đồng/hộ/tháng	9.000
b	Các phường: Phường 9, Phú Lâm, Phú Thạnh, Phú Đông		
	+ Hộ mặt phố	Đồng/hộ/tháng	13.000
	+ Hộ trong hẻm	Đồng/hộ/tháng	8.000
c	Các xã: Bình Ngọc, Bình Kiến, Hòa Kiến, An Phú		
	+ Hộ mặt phố	Đồng/hộ/tháng	12.000
	+ Hộ trong hẻm	Đồng/hộ/tháng	7.000
1.2	**Đối với hộ kinh doanh buôn bán nhỏ**		
a	Từ phường 1 đến phường 8)		
	+ Hộ buôn bán nhỏ	Đồng/hộ/tháng	30.000
	+ Hộ kinh doanh ăn uống	Đồng/hộ/tháng	50.000
b	Các phường: Phường 9, Phú Lâm, Phú Thạnh, Phú Đông		
	+ Hộ buôn bán nhỏ	Đồng/hộ/tháng	25.000
	+ Hộ kinh doanh ăn uống	Đồng/hộ/tháng	40.000
c	Các xã: Bình Ngọc, Bình Kiến, Hòa Kiến, An Phú		
	+ Hộ buôn bán nhỏ	Đồng/hộ/tháng	20.000
	+ Hộ kinh doanh ăn uống	Đồng/hộ/tháng	30.000

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày được HĐND tỉnh thông qua.

2. Các mức thu phí tại Nghị quyết này được áp dụng từ ngày 01/01/2014.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND và các đại biểu HĐND tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định tăng cường đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên khóa VI, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 12 tháng 12 năm 2013/.

CHỦ TỊCH

Huỳnh Tấn Việt